

Bản án số: 93/2024/DS-ST

Ngày: 30 - 09 - 2024

"T/c hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tới

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Đ

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh tham gia phiên tòa: Ông
Trần Văn Ý, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh,
tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 191/2024/TLST -
DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 129/2024/QĐST-
DS ngày 10 tháng 09 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện
A, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh
Kiên Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Trần Văn
H trình bày:

Ông và ông Lê Văn C có quan hệ họ hàng nên nhiều lần ông cho ông C vay
tiền để làm ăn và xoay sở trong gia đình, do tin tưởng nhau nên vào ngày 02/08/2023
ông C vay của ông số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, không thỏa
thuận thời hạn trả nợ gốc, từ khi vay đến nay ông C không trả lãi suất cho ông. Ông
yêu cầu ông cảnh trả cho ông tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng và lãi suất từ ngày
02/08/2023 đến nay xét xử.

Tại phiên tòa: Ông **H** xin vắng mặt không có lời trình bày.

*** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt nên không có lời trình bày.**

Tại phiên tòa: Ông **C** thừa nhận vào ngày 02/08/2023 có vay của ông **H** 8.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng đến nay chưa trả nợ cho ông **H**. Nay ông đồng ý trả nợ cho ông **H**.

- Kiểm sát viên phát biểu:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp; Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các vị Hội thẩm, Thư ký, nguyên đơn thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn nợ gốc là 8.000.000 đồng và lãi suất là 1.252.000 đồng.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự (vắng mặt), nên được xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 15/08/2024 Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự và **Q** định hoãn phiên tòa đến ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử xác định mối quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

[3] Về nội dung tranh chấp: Theo nội dung yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn H** là ngày 02/08/2023 ông **C** vay của ông số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng, từ khi vay đến nay ông **C** chưa trả nợ vay cho ông là 8.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông **C** thừa nhận là ngày 02/08/2023 ông **C** có vay của ông **H** số tiền 8.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 10%/tháng đến nay chưa trả nợ cho ông **H**. Nội dung khởi kiện của ông **H** được ông **C** thừa nhận nên được xem đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét về lãi suất: Theo đơn khởi kiện của ông **H** yêu cầu ông **C** trả lãi suất 1,6%/tháng, tổng số tiền lãi là 1.152.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của ông **H** là không vượt mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai ngày 15/08/2024 ông **H** yêu cầu tính lãi suất đến ngày xét xử. Xét thấy yêu cầu của ông **H** về nội dung là chưa phù hợp theo quy định của pháp luật. Bởi ông **H** không khởi kiện bổ sung và nếu Hội đồng xét xử chấp nhận là vi phạm pháp luật “Vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện” theo quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu về phần này của ông **H**.

Từ những nhận định nêu trên, sau khi thảo luận, nghị bàn Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc ông **Lê Văn C** trả cho ông **Trần Văn H** 9.252.000 đồng, trong đó nợ gốc là 8.000.000 đồng, lãi suất là 1.252.000 đồng.

[4]. Về án phí: Bị đơn ông **Lê Văn C** bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 462.600 đồng ($9.252.000 \text{ đồng} \times 5\%$); nguyên đơn ông **Trần Văn H** không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông **Trần Văn H**, theo Biên lai thu số 0005041 ngày 20/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng các Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Trần Văn H**.

Buộc Buộc ông **Lê Văn C** trả cho **Trần Văn H** 9.252.000 đồng, trong đó nợ gốc là 8.000.000 đồng, nợ lãi là 1.252.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật dân sự; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án. Buộc bị đơn ông **Lê Văn C** chịu án phí dân sự sơ thẩm là 462.600 đồng; nguyên đơn ông **Trần Văn H** không phải chịu án dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho ông **Trần Văn H**, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005041 ngày 20/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

Báo quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND huyện AM
- Chi cục THADS huyện AM;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Tới

